

Số: 1451/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo Logistics trong kinh tế tầm thấp
trình độ đại học (ngành Quản trị kinh doanh)**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và Nghị quyết số 191/NQ-HĐHV ngày 12/4/2025 của Hội đồng học viện về Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-HV ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông ban hành Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Quản trị kinh doanh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Chương trình đào tạo Logistics trong kinh tế tầm thấp trình độ đại học (ngành Quản trị kinh doanh)** của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Giám đốc Phụ trách Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, Chánh văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Chính trị & Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý Khoa học công nghệ & hợp tác quốc tế; Trưởng Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa đào tạo 1 và 2, Trưởng Bộ môn Marketing và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Ban Giám đốc HV;
- Lưu VT, ĐT (03).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình (tiếng Việt):	Logistics trong kinh tế tầm thấp
Tên chương trình (tiếng Anh):	Logistics in Low-Altitude Economy
Ngành đào tạo (tiếng Việt):	Quản trị kinh doanh
Ngành đào tạo (tiếng Anh):	Business Administration
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành:	7340101
Hình thức đào tạo:	Chính quy

(Kèm theo Quyết định số ~~1451~~ **1451**/QĐ-HV ngày ~~20~~ **20** tháng **5** năm 2026 của Giám đốc Học viện)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO (Program Objective – POs)

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Logistics trong kinh tế tầm thấp (ngành Quản trị kinh doanh) được xây dựng theo định hướng kết hợp giữa quản trị kinh doanh và công nghệ nhằm đào tạo nguồn nhân lực có khả năng thiết kế, vận hành và tối ưu hóa các hệ thống logistics trong bối cảnh kinh tế tầm thấp, phù hợp với mục tiêu đào tạo và định hướng phát triển của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Sinh viên tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, sức khỏe, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, học tập suốt đời, có trách nhiệm xã hội, có ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số và hội nhập quốc tế. Đồng thời, đảm bảo triết lý giáo dục “*Tri thức – Sáng tạo – Đạo đức - Trách nhiệm*” của Học viện, hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực “*vừa có tài vừa có đức*” để đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước và nhân loại.

1.2 Mục tiêu cụ thể

PO1– Năng lực chuyên môn liên ngành

Người học có khả năng vận dụng kiến thức tích hợp về quản trị kinh doanh, logistics và công nghệ để phân tích, thiết kế, vận hành và tối ưu hóa các hệ thống logistics trong bối cảnh kinh tế tầm thấp.

PO2 – Năng lực ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo

Người học có khả năng ứng dụng, tích hợp và triển khai các giải pháp công nghệ số (AI, IoT, dữ liệu lớn, tự động hóa), đồng thời tham gia hoặc dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong lĩnh vực logistics kinh tế tầm thấp.

PO3 – Năng lực nghề nghiệp và hội nhập

Người học có kỹ năng nghề nghiệp, giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả, có khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực logistics.

PO4 – Phẩm chất cá nhân và trách nhiệm xã hội

Người học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần học tập suốt đời, có trách nhiệm với cá nhân, cộng đồng và xã hội, góp phần phát triển hệ thống logistics bền vững.

2. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (LOs)

Các chuẩn đầu ra (LOs), mức độ năng lực và các chỉ báo (PIs) của chương trình đào tạo như sau:

Chuẩn đầu ra (LOs)	Mức độ năng lực	Các chỉ báo (PIs)
LO1: Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế và quản lý vào hoạt động quản trị kinh doanh cụ thể.	C4/P3	<p><i>PI1.1. Người học phân tích được các yếu tố kinh tế, pháp lý và quản trị của một hệ thống logistics cụ thể.</i></p> <p><i>PI1.2. Người học phân tích được các yếu tố kỹ thuật và công nghệ của một hệ thống logistics cụ thể.</i></p> <p><i>PI1.3. Người học phân tích được hiệu quả hoạt động của một hệ thống logistics cụ thể.</i></p>
LO2: Ra quyết định thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh trong tình huống chuyên môn cụ thể.	C5/P3	<p><i>PI2.1. Người học đánh giá và lựa chọn phương án vận hành logistics phù hợp với bối cảnh thực tế.</i></p> <p><i>PI2.2. Người học sử dụng dữ liệu và các công cụ phân tích để ra quyết định chính xác trong hệ thống logistics.</i></p> <p><i>PI2.3. Người học triển khai các giải pháp tối ưu hóa hệ thống logistics trong kinh tế tầm thấp.</i></p>
LO3: Phát triển tư duy phản biện, sáng tạo và hệ thống để thực hiện các hoạt động quản trị kinh doanh trong bối cảnh cụ thể	P3/A3	<p><i>PI3.1. Người học chủ động đề xuất giải pháp công nghệ số phù hợp để cải tiến một hệ thống logistics cụ thể.</i></p> <p><i>PI3.2. Người học ứng dụng và triển khai giải pháp công nghệ số phù hợp với một hệ thống logistics cụ thể.</i></p>

Chuẩn đầu ra (LOs)	Mức độ năng lực	Các chỉ báo (PIs)
LO4: Có tinh thần khởi nghiệp và phát triển ý tưởng kinh doanh bền vững.	C4/P3	<i>PI4.1. Người học phát triển ý tưởng khởi nghiệp logistics khả thi, tích hợp giữa mặt đất và không gian tầm thấp.</i> <i>PI4.2. Người học xây dựng mô hình kinh doanh logistics bền vững, tích hợp giữa mặt đất và không gian tầm thấp.</i>
LO5: Giao tiếp hiệu quả và sử dụng công nghệ phù hợp trong hoạt động quản trị	C4/P3	<i>PI5.1 Vận dụng các kỹ thuật giao tiếp nghề nghiệp để trình bày, trao đổi và phối hợp công việc hiệu quả với các bên liên quan trong hoạt động logistics</i> <i>PI5.2: Vận dụng và phối hợp các công cụ và công nghệ giao tiếp phù hợp để thực hiện các hoạt động logistics trong môi trường số</i>
LO6: Khả năng làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, thích nghi với sự thay đổi và hội nhập	C4/P3	<i>PI6.1. Người học có khả năng phân tích và giải quyết vấn đề trong nhóm đa văn hóa.</i> <i>PI6.2. Người học thích ứng và giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.</i>
LO7: Có ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, cộng đồng và xã hội	C3/A3	<i>PI7.1. Người học thể hiện ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, cá nhân, cộng đồng và xã hội.</i> <i>PI7.2. Người học tuân thủ và thúc đẩy các nguyên tắc đạo đức và phát triển bền vững logistics trong kinh tế tầm thấp.</i>

(C: miền kiến thức; P: miền kỹ năng; A: miền thái độ; Các mức độ năng lực được xác định trên cơ sở tham chiếu Thang cấp độ tư duy Bloom)

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOẢ: 130 tín chỉ *(không bao gồm kiến thức Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và Kỹ năng mềm)*

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH VÀ YÊU CẦU ĐẦU VÀO: Là người đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tham dự và trúng tuyển (đạt các yêu cầu đầu vào) trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy với Tổ hợp xét tuyển: Toán, Lý, Hóa (A00); hoặc Toán, Lý, Anh văn (A01); Toán, Văn Anh văn (D1); Toán, Lý, Tin học (X06); Toán, Tin, Anh (X26) hoặc các phương án tuyển sinh riêng theo quy định của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông công bố.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1 Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo chuẩn được tổ chức thực hiện trong 04 năm gồm 08 học kỳ, trong đó 07 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 01 kỳ thực tập chuyên sâu, thực tập thực tế tại cơ sở. Cuối khóa, sinh viên làm Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên được đào tạo theo phương thức đào tạo tín chỉ, áp dụng Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Học viện.

5.2 Công nhận tốt nghiệp

Sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế trở lên hoặc tương đương.

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng **Cử nhân Quản trị kinh doanh (định hướng Logistics trong kinh tế tầm thấp)** khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ

6. THANG ĐIỂM: Theo thang điểm tín chỉ

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá điểm thành phần của các môn học/học phần.

	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Điểm đạt	9,0 - 10,0	A ⁺	4,0
	8,5 - 8,9	A	3,7
	8,0 - 8,4	B ⁺	3,5
	7,0 - 7,9	B	3,0
	6,5 - 6,9	C ⁺	2,5
	5,5 - 6,4	C	2,0
	5,0 - 5,4	D ⁺	1,5
	4,0 - 4,9	D	1,0
Không đạt	Dưới 4,0	F	0,0
Loại đạt không ghi mức (áp dụng cho các học phần đạt, không tính vào điểm trung bình học tập): Từ 5,0 điểm trở lên, điểm chữ là P			

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1 Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1.	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	46
<i>1.1</i>	<i>Khối kiến thức chung</i>	<i>30</i>
<i>1.1.1</i>	<i>Lý luận chính trị</i>	<i>11</i>
<i>1.1.2</i>	<i>Tiếng Anh</i>	<i>14</i>
<i>1.1.3</i>	<i>Tin học</i>	<i>5</i>

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1.2	<i>Khối kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội</i>	16
2.	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	84
2.1	<i>Khối kiến thức cơ sở</i>	48
2.2	<i>Khối kiến thức chuyên ngành</i>	26
2.3	<i>Thực tập và tốt nghiệp</i>	10
	TỔNG CỘNG	130

7.2 Nội dung chương trình đào tạo

7.2.1 Khối kiến thức chung

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
1	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3	X		3	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2	X		4	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2	X		5	
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	2	X		7	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	X		6	
6	Tiếng Anh (Course 1) (*)	BAS1157	4	X		2	
7	Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	4	X		3	
8	Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	4	X		4	
9	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	2	X		5	
10	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	INT11205	2	X		1	
11	Nhập môn lập trình và hệ thống mạng	SEC1141	3	X		2	
	Cộng		30				
Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng							
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	X		1	
2	Giáo dục thể chất 2	BAS1107	2	X		2	
3	Giáo dục quốc phòng	BAS1105	7,5	X		1	
Kiến thức các môn kỹ năng (chọn 3/6)							
1	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1		X		
2	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1		X		
3	Kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt	SKD1103	1		X		
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc	SKD1104	1		X		

5	Kỹ năng giao tiếp	SKD1105	1		X	
6	Kỹ năng tư duy sáng tạo	SKD1107	1		X	
7	Kỹ năng đổi mới sáng tạo	SKD1111	1		X	

(*): Điều kiện để đăng ký học học phần tiếng Anh Course 1 trong chương trình là sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh từ 225 điểm theo bài thi TOEIC Placement test trở lên; các thí sinh chưa đạt mức điểm trên sẽ phải hoàn thành học phần tiếng Anh bổ trợ Course 0 (mã BAS1156).

7.2.2 Khối kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
12	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	X		7	
13	Toán cao cấp cho kinh tế	BAS1267	4	X		1	
14	Lý thuyết xác suất và thống kê	BAS1210	3	X		2	
15	Tối ưu hóa trong logistics và chuỗi cung ứng	BSA12139	3	X		3	
16	Pháp luật và sở hữu trí tuệ	BSA12117	2	X		1	
17	Tâm lý quản lý	BSA1236	2	X		2	
	Cộng		16				

7.2.3 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.3.1 Khối kiến thức cơ sở

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
18	Kinh tế vi mô 1	BSA1310	3	X		1	
19	Kinh tế vĩ mô 1	BSA1311	3	X		2	
20	Marketing căn bản	MAR1322	3	X		3	
21	Kế toán cho kinh doanh	FIA1389	3	X		3	
22	Quản trị học	BSA1328	3	X		2	
23	Kinh tế tầm thấp	BSA13140	2	X		3	
24	Nhập môn công nghệ logistics và quản lý chuỗi cung ứng	BSA13141	3	X		1	
25	Luật kinh doanh	BSA1314	2	X		6	
26	Hệ thống thông tin logistics	BSA14100	2	X		4	BSA1328
27	Thương mại điện tử căn bản	BSA1365	3	X		4	BSA1328
28	Nguyên lý thống kê kinh tế	BSA1348	3	X		4	BSA1328

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
29	Quản trị chiến lược	BSA1325	3	X		5	BSA1328
30	Trí tuệ nhân tạo trong logistics	AI1323	3	X		5	BSA13141
31	Khoa học dữ liệu cho logistics	AI1324	3	x		6	BSA13141
32	Ứng dụng điện toán đám mây trong logistics	SEC1342	3	X		5	BSA13141
Các học phần tự chọn: 2 học phần (6 TC)							
33	Quản trị dự án	BSA1397	3		X	4,5	
34	Kinh tế lượng	BSA1309	3		X	4,5	
35	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	BSA13118	3		X	4,5	
36	Phân tích kinh doanh	BSA1395	3		X	4,5	
37	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo	BSA13120	3		X	4,5	
38	Hành vi tổ chức	BSA1396	3		X	4,5	
39	Văn hóa kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	BSA13121	3		X	4,5	
40	Quản trị nguồn nhân lực	BSA1331	3		X	4,5	
41	Kinh doanh quốc tế	BSA1387	3		X	4,5	
Cộng			48				

7.2.3.2 Khởi kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
42	Quản trị chuỗi cung ứng	BSA1498	3	X		6	BSA1328
43	Quản trị logistics trong kinh tế tầm thấp	BSA14142	3	X		7	
44	Quản lý vận tải trong không gian tầm thấp	BSA14143	3	X		7	
45	Ứng dụng Blockchain trong logistics	SEC1443	3	X		6	
46	Công nghệ và Hệ thống vận hành UAV/Drone	ELE14176	3	X		5	
47	Quản lý và tự động hóa kho	ELE14177	3	X		6	
48	Chuyên đề: Thiết kế giải pháp logistics tầm thấp	ELE14178	2	X		7	
Các học phần tự chọn: 6 tín chỉ							

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
49	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu	BSA14126	3		X	7	
50	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	BSA13116	3		X	7	
51	Giao nhận, vận tải và bảo hiểm hàng hóa	BSA14104	3		X	7	
52	Logistics trong thương mại điện tử	BSA14102	2		X	7	
53	Nghiệp vụ hải quan	BSA1477	2		X	7	
54	Chuỗi cung ứng bền vững	BSA14106	2		X	7	
55	Cơ sở hạ tầng logistics	BSA14107	2		X	7	
56	Vận tải đa phương thức	BSA14110	2		X	7	
57	Quản lý tài chính trong chuỗi cung ứng	FIA14122	2		x	7	
Cộng			26				

7.2.3.3 Thực tập và tốt nghiệp

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
58	Thực tập tốt nghiệp	BSA15144	4	x		8	
59	Khóa luận tốt nghiệp	BSA15145	6	x		8	
Cộng			10				

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1 Kế hoạch học tập chuẩn (Chi tiết kèm theo)

8.2 Tiến trình học tập chuẩn (Chi tiết kèm theo)

8.3 Danh sách các học phần tiên quyết, trước sau (Chi tiết kèm theo)

9. MÔ TẢ HỌC PHẦN

9.1. Kinh tế vi mô 1

- Mã học phần: BSA1310
- Số tín chỉ: 03
- Môn học tiên quyết

Tóm tắt nội dung: Học phần kinh tế vi mô có nhiệm vụ chủ yếu là trang bị các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh.

Học phần này đề cập đến hành vi của các thành viên của một nền kinh tế đó là người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Học phần này sẽ trang bị công cụ phân tích để sinh viên nắm bắt và áp dụng cho các môn học sau này.

9.2. Kinh tế vĩ mô 1

- Mã học phần: BSA1311
- Số tín chỉ: 03
- Môn học tiên quyết

Tóm tắt nội dung: Học phần này giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô ; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

9.3. Quản trị học

- Mã học phần: BSA1328
- Số tín chỉ: 03
- Môn học tiên quyết

Tóm tắt nội dung: Kiến thức cơ bản về quản trị học, gồm: Nhập môn quản trị học, Sự phát triển của các quan điểm quản trị; Môi trường quản trị, Thông tin và quyết định trong quản trị; Các chức năng quản trị; và Một số vấn đề quản trị học hiện đại.

9.4 Nhập môn công nghệ logistics và quản lý chuỗi cung ứng

- Mã học phần: BSA13141
- Số tín chỉ: 03
- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Nhập môn công nghệ logistics và quản lý chuỗi cung ứng là học phần cung cấp kiến thức nhập môn về logistics, quản lý chuỗi cung ứng và vai trò của công nghệ trong tổ chức, vận hành các hoạt động logistics. Nội dung học phần bao gồm các hoạt động cơ bản của logistics và chuỗi cung ứng như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, giao nhận, mua hàng, kho bãi, bao bì và logistics ngược; đồng thời giới thiệu dữ liệu, công nghệ số cơ bản và một số ứng dụng công nghệ trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần giúp người học hình thành tư duy hệ thống và nền tảng ban đầu về công nghệ logistics trong bối cảnh chuyển đổi số.

9.5. Kinh doanh quốc tế

- Mã học phần: BSA1387
- Số tín chỉ: 03

Môn học tiên quyết: BSA1328

Tóm tắt nội dung: Mục tiêu kiến thức: kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh doanh quốc tế, những cơ hội cũng như thách thức trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay. Cụ thể, sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản về kinh doanh quốc tế; Nhận diện và phân tích được môi trường kinh doanh quốc tế; Hiểu được các loại hình hoạt động kinh doanh quốc tế; Hiểu được các hợp tác quốc tế và các thỏa thuận xuyên quốc gia; Hiểu được các chiến lược kinh doanh quốc tế và phương thức thâm nhập thị trường quốc tế; Hiểu được các nghiệp vụ chính trong kinh doanh quốc tế

9.6 Marketing căn bản

- Mã học phần: MAR1322

- Số tín chỉ: 03

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về marketing, vai trò của marketing trong tổ chức, những nội dung cơ bản của marketing như nghiên cứu marketing, môi trường marketing và hành vi người tiêu dùng. Từ đó, người học sẽ được giới thiệu các kiến thức và kỹ năng đặc thù của marketing để tiếp cận với khách hàng – thị trường, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị. Học phần tập trung giới thiệu 4 công cụ marketing hỗn hợp điển hình trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm để triển khai chiến lược, kế hoạch marketing, gồm: Sản phẩm, Giá, Kênh phân phối và Truyền thông marketing. Học phần này được xem là nền tảng cho việc tích lũy các học phần chuyên sâu của ngành marketing.

9.7 Kế toán cho kinh doanh

- Mã học phần: FIA1389

- Số tín chỉ: 03

Tóm tắt nội dung: Môn học kế toán trong kinh doanh cung cấp những kiến thức cơ bản về kế toán và tài chính: Những khái niệm về kế toán, phương pháp kế toán, các chu trình kết toán cơ bản, lập BCTC và phân tích các chỉ số tài chính. Phân tích thông tin kế toán quản trị và tài chính để ra quyết định ngắn hạn và dài hạn trong kinh doanh.

9.8 Lý thuyết xác suất thống kê

- Mã học phần: BAS1210

- Số tín chỉ: 03

- Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Môn học có hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng gắn chặt chẽ về nội dung.

Phần lý thuyết xác suất nghiên cứu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên: Biến cố, xác suất của biến cố, các quy tắc tính xác suất. Biến ngẫu nhiên, véc tơ ngẫu nhiên. Các

đặc trưng của biến ngẫu nhiên và véc tơ ngẫu nhiên. Luật số lớn và định lý giới hạn Moivre-Laplace.

Phần thống kê toán trình bày: Cơ sở lý thuyết mẫu; Các bài toán ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê.

9.10 Tối ưu hóa trong Logistics và Chuỗi cung ứng

- Mã học phần: BSA13139

- Số tín chỉ: 03

- Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần “Tối ưu hóa trong Logistics và Chuỗi cung ứng” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mô hình hóa và tối ưu hóa để phân tích và đưa ra các quyết định phù hợp với các hệ thống logistics và chuỗi cung ứng. Nội dung học phần tập trung giới thiệu các mô hình tối ưu trong logistics và chuỗi cung ứng, các thuật toán tối ưu theo hướng trực quan và cách diễn giải kết quả mô hình trong bối cảnh kinh doanh cụ thể. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu các bài toán tối ưu hóa cụ thể trong logistics và chuỗi cung ứng theo các mức chiến lược, chiến thuật và tác nghiệp.

Với học phần “Tối ưu hóa trong Logistics và Chuỗi cung ứng”, sinh viên được rèn luyện kỹ năng chuyển hóa các vấn đề thực tiễn thành mô hình toán học; sử dụng dữ liệu, công cụ hỗ trợ để giải bài toán; từ đó xác định phương án tối ưu với bối cảnh kinh doanh cụ thể. Ngoài ra, học phần tạo điều kiện để sinh viên thể hiện năng lực triển khai phương án logistics và chuỗi cung ứng tối ưu trong bối cảnh kinh doanh cụ thể với tư duy logic và tâm thế sẵn sàng.

9.11 Quản trị chiến lược

- Mã học phần: BSA1241

- Số tín chỉ: 03

- Học phần tiên quyết: BSA1328

Tóm tắt nội dung: Là học phần thuộc kiến thức ngành Quản trị kinh doanh và Thương mại điện tử. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn trong doanh nghiệp như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược, các mô hình quản trị chiến lược, các nội dung quản trị chiến lược của doanh nghiệp bao gồm: Hoạch định chiến lược, Các cấp chiến lược của doanh nghiệp; Tổ chức thực hiện chiến lược; Đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn lực xác định. Bên cạnh đó học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức quản trị chiến lược trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập.

9.12 Hệ thống thông tin Logistics

- Mã học phần: BSA14100

- Số tín chỉ: 02

- Môn học tiên quyết: BSA1328

Tóm tắt nội dung: Học phần “Hệ thống thông tin Logistics” cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và chuyên sâu về HTTT Logistics, quá trình xây dựng và phát triển hệ thống này. Nội dung học phần được chia thành hai phần chính. Phần 1 tập trung vào các vấn đề nền tảng và quy trình phát triển HTTT Logistics, bao gồm phân tích, thiết kế và triển khai hệ thống trong bối cảnh doanh nghiệp. Phần 2 đi sâu vào các Phân hệ thông tin Logistics cốt lõi như Phân hệ thông tin Dịch vụ Khách hàng, Phân hệ thông tin Quản lý Đơn hàng, Phân hệ thông tin Quản lý Vận tải và Phân hệ thông tin Quản lý Kho hàng.

Thông qua học phần, người học có khả năng vận dụng kiến thức về HTTT Logistics để phân tích, thiết kế và đề xuất giải pháp phát triển HTTT Logistics của một doanh nghiệp cụ thể, đáp ứng yêu cầu vận hành và chuyển đổi số trong thực tiễn.

9.13 Kinh tế lượng

- Mã học phần: BSA1309

- Số tín chỉ: 03

- Môn học tiên quyết: BSA1328

Tóm tắt nội dung: Kinh tế lượng là một học phần cơ sở khối ngành, sử dụng các phương pháp thống kê và toán học, các kỹ thuật định lượng vào việc mô hình hóa và phân tích các mối quan hệ giữa các yếu tố kinh tế - xã hội, dự báo các xu hướng trong tương lai, giúp các nhà quản lý, nhà nghiên cứu đưa ra các quyết định hợp lý để giải quyết vấn đề đặt ra.

9.14 Nguyên lý thống kê kinh tế

- Mã học phần: BSA1348

- Số tín chỉ: 03

- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Môn học Nguyên lý Thống kê kinh tế nhằm trang bị cho sinh viên Khối ngành Kinh tế và Quản trị Kinh doanh những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê như Các phương pháp trình bày số liệu thống kê, Các mức độ của hiện tượng thống kê, Điều tra chọn mẫu trong thống kê, Tương quan và hồi quy, Dãy số thời gian, Chỉ số,... và vận dụng trong thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh doanh nghiệp, lao động tiền lương, tài sản doanh nghiệp, giá thành và hiệu quả sản xuất kinh doanh, vốn và hoạt động tài chính của doanh nghiệp..

9.15 Quản trị nhân lực

- Mã học phần: BSA1331

- Số tín chỉ: 03

- Môn học tiên quyết: BSA1328

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các nguyên lý, chính sách và thực tiễn quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức. Mục tiêu là giúp sinh viên hiểu và vận

dụng các chức năng quản trị nhân sự để thu hút, phát triển và duy trì đội ngũ lao động hiệu quả.

9.16. Công nghệ và hệ thống vận hành UAV/Drone

- Mã học phần: ELE14176
- Số tín chỉ: 03
- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần giúp sinh viên hiểu UAV như một hệ thống công nghệ - vận hành tích hợp, từ cấu phần phần cứng đến phần mềm nhiệm vụ, truyền dữ liệu, giám sát vận hành và an toàn hệ thống. Trọng tâm là logic công nghệ của hệ UAV, quy trình vận hành từ chuẩn bị đến thực thi nhiệm vụ, xử lý bất thường, quản trị rủi ro và tích hợp kỹ thuật với nền tảng số. Các nội dung về quản lý mạng vận tải hay mô hình ứng dụng logistics chỉ được dùng như bối cảnh minh họa.

Học phần tập trung vào kiến trúc hệ thống UAV/Drone gồm khung bay, động cơ, nguồn, cảm biến, bộ điều khiển bay, payload, trạm điều khiển mặt đất, liên kết truyền thông, phần mềm lập kế hoạch nhiệm vụ và luồng dữ liệu telemetry. Người học được tiếp cận quy trình vận hành nhiệm vụ, kiểm tra trước bay, theo dõi trong bay, hậu kiểm dữ liệu, bảo trì, an toàn pin, an toàn vùng bay, bảo mật dữ liệu và các kịch bản bất thường như mất liên kết, suy giảm GNSS, pin yếu, thời tiết bất lợi .

9.17 Quản trị chuỗi cung ứng

- Mã học phần: BSA1498
- Số tín chỉ: 03
- Môn học tiên quyết: BSA1328

Tóm tắt nội dung: Quản trị chuỗi cung ứng là môn học tập hợp các quan điểm lý thuyết về quản trị về sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối trong nước và quốc tế nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong sản xuất, lưu thông và phân phối. ...Quản trị chuỗi cung ứng cũng nghiên cứu các yếu tố hoạch định, tổ chức, kiểm soát việc cung ứng, dự trữ, vận chuyển,... hàng hóa thành phẩm, bán thành phẩm, nguyên nhiên vật liệu, vật chất và kỹ thuật để cho quá trình sản xuất, bán hàng của các doanh nghiệp được tiến hành đúng mục tiêu. Quản trị chuỗi cung ứng là quản trị chức năng với mục tiêu là đề cập đến việc tối thiểu hóa chi phí và thỏa mãn nhu cầu khách hàng từ việc mua sắm nguyên vật liệu cho tới việc lập, thực hiện kế hoạch sản xuất, vận chuyển, bố trí kho bãi và dự trữ.....

9.18 Luật kinh doanh

- Mã học phần: BSA1314
- Số tín chỉ: 02
- Môn học tiên quyết: BSA1221

Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực kinh tế và một số kiến thức pháp luật cơ bản liên quan đến hoạt động kinh doanh của các chủ thể khi tham gia hoạt động kinh doanh trong nước và các hoạt động thương mại quốc tế.

9.19: Khoa học dữ liệu cho logistics

- Mã học phần: AI1324

- Số tín chỉ: 03

Môn học tiên quyết: BSA13141

Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về quy trình khai thác giá trị từ dữ liệu trong lĩnh vực Logistics. Nội dung tập trung vào kỹ thuật thu thập dữ liệu (IoT, ERP, Web), làm sạch dữ liệu (Data Wrangling), phân tích khám phá (EDA), trực quan hóa dữ liệu vận tải và xây dựng các mô hình dự báo/tối ưu hóa để hỗ trợ ra quyết định trong chuỗi cung ứng. Sinh viên sẽ được thực hành trên các tập dữ liệu thực tế về vận đơn, định vị GPS và quản lý kho hàng.

9.20 Trí tuệ nhân tạo trong logistics

- Mã học phần: AI1323

- Số tín chỉ: 03

Môn học tiên quyết: BSA13141

Tóm tắt nội dung: Học phần này cung cấp kiến thức toàn diện về việc ứng dụng các kỹ thuật Trí tuệ nhân tạo (AI) và Học máy (ML) để tối ưu hóa các quy trình trong chuỗi cung ứng và Logistics. Sinh viên sẽ được nghiên cứu các mô hình dự báo nhu cầu (Demand Forecasting), bài toán tối ưu hóa lộ trình (Vehicle Routing Problem), tự động hóa kho hàng bằng Computer Vision và Robotics, cũng như quản trị rủi ro chuỗi cung ứng dựa trên dữ liệu. Học phần hướng tới việc xây dựng các giải pháp thông minh giúp giảm chi phí vận hành và tăng hiệu quả giao hàng trong bối cảnh kinh tế số.

9.21 Quản lý và Tự động hóa Kho

- Mã học phần: ELE14177

- Số tín chỉ: 03

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản lý và tự động hóa kho trong chuỗi cung ứng hiện đại. Nội dung tập trung vào các hệ thống và công nghệ tự động hóa kho như băng tải, hệ thống phân loại, lưu trữ tự động (AS/RS), AGV, AMR, robot picking, cảm biến, RFID, cùng các hệ thống quản lý WMS/WCS/WES. Học phần nhấn mạnh lĩnh vực Logistics: cách lựa chọn công nghệ phù hợp, tích hợp các hệ thống vào vận hành kho, tổ chức kho thông minh, đánh giá hiệu quả kinh tế - vận hành và quản lý rủi ro khi triển khai tự động hóa.

9.22. Chuyên đề: Thiết kế giải pháp logistics tầm thấp

- Mã học phần: ELE14178

- Số tín chỉ: 02

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần giúp sinh viên thiết kế và đánh giá các mô hình dịch vụ logistics tầm thấp (low-level logistics service models) cho các tình huống cụ thể như last-mile delivery, logistics y tế, vùng khó tiếp cận, campus logistics và yard/kho nội bộ. Trọng tâm của học phần là: xác định bài toán logistics phù hợp; lựa chọn cấu hình mô hình phục vụ; thiết kế quy trình và điểm tiếp xúc với logistics truyền thống; xây dựng logic giá trị, logic doanh thu – chi phí, KPI và tính khả thi; đồng thời đề xuất business case hoặc concept proposal hoàn chỉnh. Học phần nhấn mạnh tư duy thực tiễn, kết hợp giữa công nghệ, quy trình vận hành và mô hình kinh doanh trong bối cảnh logistics ở Việt Nam và quốc tế.

9.23 Hành vi tổ chức

- Mã học phần: BSA1396

- Số tín chỉ: 03

Môn học tiên quyết: BSA1328

Tóm tắt nội dung: Học phần này nghiên cứu về những hành vi cá nhân trong tổ chức, tìm hiểu những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức nhằm mục đích thiết kế cơ cấu tổ chức và thay đổi hành vi tổ chức để đạt hiệu quả cao hơn. Học phần sẽ giúp người học hiểu được những kiến thức về hành vi tổ chức, chuẩn bị cho mình những kỹ năng, kinh nghiệm cũng như có thái độ tự tin và phù hợp với nhu cầu, văn hóa của doanh nghiệp trong và ngoài nước để tự tin bước vào môi trường làm việc cũng phát triển bản thân trong bất kỳ tổ chức nào. Qua nghiên cứu học phần người học có sự hiểu biết rộng về một số khái niệm cốt lõi về tâm lý học, kinh tế, và xã hội học có liên quan đến hoạt động trong công việc. Cải thiện khả năng phân tích trong việc tìm hiểu hành vi của cá nhân và nhóm trong tổ chức. Phân tích toàn diện các vấn đề tổ chức và tình huống khó xử, và đưa ra những kiến nghị hành động có cơ sở. Thỏa thuận về vai trò của nhóm và phân chia công việc để hoàn thành mục tiêu của tổ chức.

9.24 Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu

- Mã học phần: BSA13116

- Số tín chỉ: 03

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học, ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ: giao dịch, đàm phán, kết hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu và các quy trình thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu,....

9.25 Quản trị dự án

- Mã học phần: BSA1397

- Số tín chỉ: 03

Môn học tiên quyết: BSA1328

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về dự án và quản trị dự án đầu tư trong doanh nghiệp, bao gồm: Lập dự án; Tiến hành quản lý thực hiện dự án (bao gồm các hoạt động như tổ chức bộ máy quản lý dự án, lập kế hoạch thực hiện dự án, quản lý tiến độ, phân phối nguồn lực dự án); Quản trị rủi ro dự án và hợp đồng dự án; Và quản lý tổng thể dự án.

9.26 Phân tích kinh doanh

- Mã học phần: BSA1395

- Số tín chỉ: 03

- Môn học tiên quyết: BSA1328

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp một số kiến thức chung về phân tích kinh doanh. Vận dụng tiến hành phân tích kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm phân tích dữ liệu, phân tích chiến lược kinh doanh, phân tích sử dụng các yếu tố kinh doanh, phân tích chi phí và giá thành sản phẩm, phân tích tài chính doanh nghiệp và phân tích kết quả, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

9.27. Giao nhận vận tải và bảo hiểm hàng hóa

- Mã học phần: BSA14104

- Số tín chỉ: 03

- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị giao nhận, vận tải và bảo hiểm của các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Các kiến thức được đề cập gồm có: Tổng quan giao nhận hàng hoá và quản trị giao nhận hàng hoá; Giao nhận vận tải hàng hoá bằng đường biển; Giao nhận vận tải hàng hoá bằng đường hàng không; Giao nhận vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Giao nhận vận tải đường thuỷ nội địa; Giao nhận vận tải đa phương thức và Bảo hiểm hàng hóa thương mại quốc tế.

9.28. Quản trị mua và nguồn cung ứng

- Mã học phần: BSA1474

- Số tín chỉ: 02

- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Mục tiêu kiến thức: các kiến thức về hoạt động mua hàng, quản lý khách hàng quản lý nguồn cung ứng hàng ở các doanh nghiệp/tổ chức

9.30 Vận tải đa phương thức

- Mã học phần: BSA14110

- Số tín chỉ: 02

- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Vận tải đa phương thức là loại hình vận tải đưa lại hiệu quả trong hoạt động logistics của doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vận tải đa phương thức; Cơ sở pháp lý của vận tải đa phương thức; Thủ tục hải quan trong vận tải đa phương thức; Các đầu mối chuyên tiếp trong vận tải đa phương thức; Tổ chức chuyên chở hàng hóa bằng vận tải đa phương thức và bảo hiểm hàng hóa XNK trong vận tải đa phương thức.

9.31 Nghiệp vụ Hải quan

- Mã học phần: BSA1477

- Số tín chỉ: 02

- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần “Nghiệp vụ hải quan” bao gồm những nội dung kiến thức về xác định trị giá hải quan, phân loại hàng hóa, xác định xuất xứ hàng hóa, khai báo, kiểm tra, giám sát, thuế, hoàn thành thủ tục hải quan và kiểm tra sau thông quan. Môn học còn bao gồm những kiến thức về các hoạt động hỗ trợ hải quan gồm hồ sơ hải quan.

9.32 An toàn hệ thống thông tin cho kinh doanh

- Mã học phần: SEC1440

- Số tín chỉ: 03

- Môn học tiên quyết: INT11205

Tóm tắt nội dung : Học phần An toàn hệ thống thông tin cho kinh doanh là học phần bắt buộc chuyên ngành kinh doanh số của chương trình dạy học ngành QTKD được giảng dạy ở học kỳ 6. Để tham gia học tốt được học phần này, người học cần nắm vững các nội dung, khái niệm trong học phần Tin học cơ sở. Mục tiêu của học phần nhằm trang bị cho người học các nguyên tắc an toàn hệ thống thông tin trong kinh doanh, xác định và phân loại các rủi ro của hệ thống thông tin và áp dụng các kỹ thuật/công nghệ đảm bảo hoạt động an toàn của hệ thống.

Nội dung chính của học phần tập trung vào: Các rủi ro và mối đe dọa bảo mật; Các kỹ thuật và công nghệ đảm bảo an toàn cho và hệ thống dựa trên mã hóa; kiểm soát truy cập và người dùng; Các vấn đề quản lý an toàn hệ thống. Bên cạnh đó khi tham gia học phần này, người học cũng vận dụng hiệu quả được kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm và chứng tỏ được tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp và cộng đồng trong thực hành và bài tập nhóm.

9.34 Quản trị Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Mã học phần: BSA13120

- Số tín chỉ :03

-Môn học tiên quyết: BSA1328

Tóm tắt nội dung : Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo là học phần thuộc thành phần học tập cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh và dự kiến được bố trí vào học kỳ 5 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho sinh viên các công cụ và phương pháp quản trị công nghệ, từ phân tích công nghệ, lựa chọn và chuyển giao công nghệ, đến hoạch định và đánh giá chiến lược công nghệ. Bên cạnh đó, học phần cũng tập trung vào các nội dung như quản trị quá trình đổi mới sáng tạo, các mô hình đổi mới, hệ sinh thái đổi mới, cùng với các nội dung thiết thực như thương mại hóa công nghệ, quản trị tri thức và sở hữu trí tuệ.

9.35 Văn hoá doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Mã học phần: BSA13121

- Số tín chỉ :03

-Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung : Học phần này là học phần lựa chọn bắt buộc thuộc khối học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, xây dựng đạo đức kinh doanh), văn hóa kinh doanh (văn hoá doanh nhân, văn hoá ứng xử trong hoạt động kinh doanh, văn hoá doanh nghiệp) và trách nhiệm xã hội. Từ đó giúp sinh viên thấy được tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh, văn hóa kinh doanh và trách nhiệm xã hội, giúp sinh viên hình thành tư duy, quan điểm và hành vi kinh doanh có đạo đức và biết cách thích nghi hoặc xây dựng văn hóa kinh doanh, trách nhiệm xã hội phù hợp với môi trường kinh doanh sau này.

9.36 Giao tiếp và đàm phán kinh doanh

Mã học phần: BSA13118

- Số tín chỉ :03

-Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần Giao tiếp và đàm phán kinh doanh là học phần lựa chọn bắt buộc thuộc thành phần học tập cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh. Học phần hỗ trợ người học các kiến thức cần thiết để vận dụng vào các tình huống giao tiếp thực tế trong hoạt động kinh doanh như: Giao tiếp trực tiếp (giao tiếp trong làm việc nhóm, giao tiếp khi thuyết trình, giao tiếp khi đề xuất kinh doanh với cấp trên), giao tiếp gián tiếp như giao tiếp trong hoạt động marketing trực tuyến, hoạt động bán hàng trực tuyến (bán hàng trên web, trên sàn TMĐT, mạng xã hội...), giao tiếp trong hoạt động đàm phán kinh doanh. Từ đó giúp người học nhận ra và tuân theo những hành vi đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong một tổ chức cụ thể, phù hợp với môi trường toàn cầu hoá.

9.37 Logistics và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu

Mã học phần: BSA14126

- Số tín chỉ :03

- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Logistics và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu là học phần thuộc thành phần học tập chuyên ngành Kinh doanh quốc tế trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh và được bố trí vào học kỳ 6 trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu, logistics trong quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu; chiến lược chuỗi cung ứng toàn cầu; hoạch định quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu; các hoạt động vận hành, phân phối và bán hàng trong quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu.

9.38 Logistics trong thương mại điện tử

- Mã học phần: BSA14102

- Số tín chỉ: 02

- Môn học tiên quyết: BSA1393

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về logistics trong thương mại điện tử, bao gồm các nội dung chính về Tổng quan về logistics trong thương mại điện tử; Cơ sở hạ tầng và mạng lưới logistics thương mại điện tử; Quá trình thực hiện đơn hàng trong thương mại điện tử; Vận chuyển, giao nhận và quản lý kho hàng trong logistics thương mại điện tử.

9.39 Chuỗi cung ứng bền vững

- Mã học phần: BSA14106

- Số tín chỉ: 02

- Môn học tiên quyết: BSA1393

Tóm tắt nội dung: Học phần này giúp sinh viên hiểu và nắm bắt được các vấn đề cơ bản như chuỗi cung ứng bền vững; các hoạt động trong chuỗi cung ứng bền vững; ảnh hưởng của chuỗi cung ứng bền vững tới môi trường và các rủi ro, đạo đức và trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp kinh doanh. Từ đó, trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết trong việc phân tích, triển khai và vận dụng quy trình thiết kế sản phẩm, sản xuất, đóng gói sạch và thu mua bền vững; các chiến lược giảm thiểu tác động của kho bãi và vận tải bền vững đến môi trường; các quy định có liên quan về thu hồi, tái chế và quản lý chất thải để giải quyết những tình huống thực tiễn, các tình huống pháp luật về rủi ro, đạo đức và trách nhiệm xã hội trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng

9.40 Cơ sở hạ tầng logistics

- Mã học phần: BSA14107

- Số tín chỉ: 02

- Môn học tiên quyết: BSA1393

Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị cho người học những khái niệm, phân loại và vai trò của hệ thống cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật logistics quốc gia; các yếu tố cấu thành hệ thống cơ sở hạ tầng logistics; tổ chức vận hành và nội dung quản trị hệ thống cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật logistics quốc gia; các phương tiện kết nối hệ thống cơ sở hạ

tăng vật chất kỹ thuật logistics trong điều kiện chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; nội dung và phương pháp xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật logistics quốc gia; Thực trạng và định hướng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật logistics quốc gia.

9.42 Logistics quốc tế

- Mã học phần: BSA14108
- Số tín chỉ: 02
- Môn học tiên quyết: BSA1393

Tóm tắt nội dung: Logistics quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động logistics quốc tế và quản trị chuỗi cung ứng quốc tế.

9.42 Quản trị rủi ro trong chuỗi cung ứng

- Mã học phần: BSA14109
- Số tín chỉ: 02
- Môn học tiên quyết: BSA1393

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về rủi ro và quản trị rủi ro trong chuỗi cung ứng. Tiến hành nhận dạng, phân tích, đo lường rủi ro. Lập kế hoạch kiểm soát và tài trợ rủi ro tương ứng với các rủi ro đã được nhận dạng. Tiến hành quản trị rủi ro trong chuỗi cung ứng với các nguồn lực cụ thể về nhân lực, tài sản, tài chính.

9.43 Quản lý tài chính trong chuỗi cung ứng

- Mã học phần: FIA14122
- Số tín chỉ: 02
- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về Quản trị tài chính chuỗi cung ứng, hệ sinh thái tài chính chuỗi cung ứng, quản trị vốn lưu động trong chuỗi cung ứng, các phương thức thanh toán được sử dụng trong hoạt động logistics nói chung và trong hoạt động logistics quốc tế nói riêng. Bên cạnh đó môn học cũng sẽ cung cấp các kiến thức về các giải pháp về nguồn tài trợ cho chuỗi cung ứng.

9.44 Nhập môn lập trình và hệ thống mạng

- Mã học phần: SEC1141
- Số tín chỉ: 03
- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần Nhập môn lập trình và hệ thống mạng là học phần cơ sở ngành, được giảng dạy vào học kỳ 2 trong chương trình đào tạo Logistic trong kinh tế tầm thấp hệ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Đây là một trong các học phần cơ sở ngành quan trọng trong khối kiến thức kỹ thuật công nghệ của chương trình đào tạo. Mục tiêu của

học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về lập trình Python và hệ thống mạng. Nội dung của học phần bao gồm: (1) khái quát về lập trình và ngôn ngữ lập trình, (2) lập trình cơ bản bằng ngôn ngữ Python, (3) Khái quát về mạng, hệ thống mạng và (3) Kiến trúc và

9.45 Ứng dụng điện toán đám mây trong logistics

- Mã học phần: SEC1342

- Số tín chỉ: 03

- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần Ứng dụng điện toán đám mây trong logistics là học phần chuyên ngành, được giảng dạy vào học kỳ 5 trong chương trình đào tạo Logistic trong kinh tế tầm thấp hệ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Đây là một trong các học phần chuyên ngành quan trọng trong khối kiến thức kỹ thuật công nghệ của chương trình đào tạo. Mục tiêu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về điện toán đám mây và ứng dụng của điện toán đám mây trong logistics. Nội dung của học phần bao gồm: (1) Tổng quan về điện toán đám mây, (2) Ứng dụng đám mây trong hoạt động logistics, (3) Vấn đề phân tích dữ liệu và ra quyết định, (4) Vấn đề quản trị rủi ro và bảo mật, và (5) Xu hướng và chiến lược triển khai ứng dụng đám mây trong hoạt động logistics.

9.46 Ứng dụng Blockchain trong logistics

- Mã học phần: SEC1443

- Số tín chỉ: 03

- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần Ứng dụng Blockchain trong logistics là học phần chuyên ngành, được giảng dạy vào học kỳ 5 trong chương trình đào tạo Logistic trong kinh tế tầm thấp hệ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Đây là một trong các học phần chuyên ngành quan trọng trong khối kiến thức kỹ thuật công nghệ của chương trình đào tạo. Mục tiêu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về điện toán đám mây và ứng dụng của điện toán đám mây trong logistics. Nội dung của học phần bao gồm: (1) Tổng quan về công nghệ Blockchain, (2) Ứng dụng của Blockchain trong logistics, (3) Phân tích hiệu quả và quản trị triển khai, (4) Xu hướng và case-study triển khai ứng dụng Blockchain trong hoạt động logistics.

9.47 Quản lý vận tải trong không gian tầm thấp

- Mã học phần: BSA14143

- Số tín chỉ: 03

- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho người học năng lực quản lý hệ thống vận tải tích hợp mặt đất – trên không ở cấp hệ thống, dưới góc nhìn nhà khai thác vận tải và trung tâm điều hành. Nội dung học phần gồm sáu cụm chủ đề: (1) tổng quan và đặc trưng của

vận tải tầm thấp; (2) hệ thống vận tải tích hợp cấp hệ thống và điều phối toàn mạng; (3) lập kế hoạch tuyến bay, lập lịch đa ràng buộc và điều phối thời gian thực; (4) tối ưu hóa tuyến và năng lực vận tải với các mô hình TSP/VRP, VRP-TW, phối hợp ground-air và các phương pháp AI trong tối ưu điều hành; (5) IoT, AI, Big Data và Digital Twin trong giám sát, mô phỏng và hỗ trợ ra quyết định điều hành hệ thống vận tải; (6) quản lý rủi ro vận tải thương mại, SMS theo ICAO, UTM thương mại, cùng pháp lý và chứng nhận khai thác vận tải tầm thấp. Học phân tập trung vào công nghệ và phương pháp phục vụ điều phối, tối ưu hóa và tuân thủ trong quản lý hệ thống vận tải, phân biệt với các nội dung công nghệ phục vụ logistics như quản lý kho, quản lý đơn hàng, blockchain logistics và các bài toán logistics tổng thể.

9.48 : Quản trị Logistics trong Kinh tế Tầm thấp

- Mã học phần: BSA14142
- Số tín chỉ: 03
- Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị hệ thống kiến thức và năng lực quản trị logistics trong môi trường kinh tế tầm thấp – lĩnh vực mới nổi gắn với khai thác không gian dưới 3.000m thông qua thiết bị bay không người lái, eVTOL và nền tảng điều phối thông minh. Học phần tiếp cận logistics tầm thấp như một hệ thống logistics tích hợp giữa phương tiện mặt đất và trên không, vận hành trong không gian ba chiều và phụ thuộc mạnh vào công nghệ số. Nội dung được tổ chức xung quanh sáu chủ đề cốt lõi: (1) tổng quan về quản trị logistics trong kinh tế tầm thấp; (2) hệ thống logistics tích hợp mặt đất – trên không và chuỗi cung ứng đa tầng; (3) quản trị vận hành logistics tầm thấp; (4) công nghệ số và tối ưu hóa trong logistics tầm thấp; (5) quản lý rủi ro, an toàn và thể chế trong logistics tầm thấp; (6) logistics xanh, phát triển bền vững và xu hướng đổi mới.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có nền tảng lý luận và năng lực phân tích, thiết kế, vận hành và cải tiến hệ thống logistics tầm thấp, đồng thời tiếp tục học phần Quản lý vận tải trong không gian tầm thấp.

10. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA (Chi tiết kèm theo)

KT. GIÁM ĐỐC ✓
PHÓ GIÁM ĐỐC ✓
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
BỘ KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
PGS.TS. Trần Quang Anh

KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LOGISTICS TRONG KINH TẾ TẦM THẤP
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

NĂM HỌC THỨ NHẤT				NĂM HỌC THỨ HAI			
TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Nhập môn công nghệ logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	HK1	1	Tối ưu hóa trong logistics và chuỗi cung ứng	3	HK3
2	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	2	HK1	2	Marketing căn bản	3	HK3
3	Toán cao cấp cho kinh tế	4	HK1	3	Triết học Mác-Lênin	3	HK3
4	Pháp luật và sở hữu trí tuệ	2	HK1	4	Tiếng Anh (Course 2)	4	HK3
5	Kinh tế vi mô 1	3	HK1	5	Kinh tế tầm thấp	2	HK3
	Giáo dục thể chất 1		HK1	6	Kế toán cho kinh doanh	3	HK3
	Giáo dục quốc phòng		HK1				
		14				18	
6	Quản trị học	3	HK2	7	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	HK4
7	Nhập môn lập trình và hệ thống mạng	3	HK2	8	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	HK4
8	Tiếng Anh (Course 1) (*)	4	HK2	9	Tiếng Anh (Course 3)	4	HK4
9	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	HK2	10	Thương mại điện tử căn bản	3	HK4
10	Kinh tế vĩ mô 1	3	HK2	11	Hệ thống thông tin logistics	2	HK4
11	Tâm lý quản lý	2	HK2	12	Học phần tự chọn (*)	3	HK4
	Giáo dục thể chất 2		HK2				
		18				17	
NĂM HỌC THỨ BA				NĂM HỌC THỨ TƯ			
TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	HK5	1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	HK7
2	Ứng dụng điện toán đám mây trong logistics	3	HK5	2	Quản lý vận tải trong không gian tầm thấp	3	HK7
3	Công nghệ và Hệ thống vận hành UAV/Drone	3	HK5	3	Chuyên đề: Thiết kế giải pháp logistics tầm thấp	2	HK7
4	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	2	HK5	4	Quản trị logistics trong kinh tế tầm thấp	3	HK7
5	Quản trị chiến lược	3	HK5	5	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	HK7
6	Trí tuệ nhân tạo trong logistics	3	HK5	6	Học phần tự chọn chuyên ngành (**)	6	HK7
7	Học phần tự chọn (*)	3	HK5				
		19				18	
8	Quản lý và tự động hóa kho	3	HK6	7	Thực tập và tốt nghiệp	10	HK8
9	Khoa học dữ liệu cho logistics	3	HK6				
10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	HK6				
11	Ứng dụng Blockchain trong logistics	3	HK6				
12	Luật kinh doanh	2	HK6				
13	Quản trị chuỗi cung ứng	3	HK6				
		16				10	
						130	

(*): Học phần tự chọn cơ sở ngành

1	Văn hóa kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3
2	Kinh tế lượng	3
3	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	3
4	Phân tích kinh doanh	3
5	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo	3
6	Hành vi tổ chức	3
7	Quản trị dự án	3
8	Quản trị nguồn nhân lực	3
9	Kinh doanh quốc tế	3

(): Học phần tự chọn chuyên ngành**

1	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu	3
2	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3
3	Giao nhận, vận tải và bảo hiểm hàng hóa	3
4	Logistics trong thương mại điện tử	2
5	Nghiệp vụ hải quan	2
6	Chuỗi cung ứng bền vững	2
7	Cơ sở hạ tầng logistics	2
8	Vận tải đa phương thức	2
9	Quản lý tài chính trong chuỗi cung ứng	2

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC TIỀN QUYẾT, TRƯỚC SAU
CHƯƠNG TRÌNH LOGISTICS TRONG KINH TẾ TẦM THẤP (NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH)**

TT	Tên môn học/học phần	Mã số môn học	Số TC	Năm học			Môn tiên quyết	Môn học trước
				Thứ nhất	Thứ hai	Thứ ba		
1	Nhập môn công nghệ logistics và quản lý chuỗi cung ứng	BSA13141	3	HK1				
2	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	INT11205	2	HK1				
3	Toán cao cấp cho kinh tế	BAS1267	4	HK1				
4	Pháp luật và sở hữu trí tuệ	BSA12117	2	HK1				
5	Kinh tế vi mô 1	BSA1310	3	HK1				
6	Quản trị học	BSA1328	3	HK2				
7	Nhập môn lập trình và hệ thống mạng	SEC1141	3	HK2				
8	Tiếng Anh (Course 1) (*)	BAS1157	4	HK2				
9	Lý thuyết xác suất và thống kê	BAS1210	3	HK2				Toán cao cấp cho kinh tế
10	Kinh tế vĩ mô 1	BSA1311	3	HK2				
11	Tâm lý quản lý	BSA1236	2	HK2				
12	Kế toán cho kinh doanh	FIA1389	3	HK3				Kinh tế vi mô 1, Quản trị học
13	Marketing căn bản	MAR1322	3	HK3				Kinh tế vi mô 1
14	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3	HK3				
15	Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	4	HK3				Tiếng Anh (Course 1) (*)
16	Kinh tế tầm thấp	BSA13140	2	HK3				Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1
17	Tối ưu hóa trong logistics và chuỗi cung ứng	BSA12139	3	HK3				Toán cao cấp cho kinh tế
18	Nguyên lý thống kê kinh tế	BSA1348	3	HK4			Quản trị học	Toán cao cấp cho kinh tế
19	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2	HK4				
20	Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	4	HK4				Tiếng Anh (Course 2)
21	Thương mại điện tử căn bản	BSA1365	3	HK4			Quản trị học	
22	Hệ thống thông tin logistics	BSA14100	2	HK4			Quản trị học	
23	Học phần lựa chọn (*)		3	HK4				
24	Trí tuệ nhân tạo trong logistics	AI1323	3	HK5			Nhập môn công nghệ logistics và QLCCU	
25	Công nghệ và Hệ thống vận hành UAV/Drone	ELE14176	3	HK5				Nhập môn công nghệ logistics và QLCCU
26	Ứng dụng điện toán đám mây trong logistics	SEC1342	3	HK5				Nhập môn công nghệ logistics và QLCCU

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC TIỀN QUYẾT, TRƯỚC SAU
CHƯƠNG TRÌNH LOGISTICS TRONG KINH TẾ TẦM THẤP (NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH)**

TT	Tên môn học/học phần	Mã số môn học	Số TC	Năm học			Thứ tự	Môn tiên quyết	Môn học trước		
				Thứ nhất	Thứ hai	Thứ ba					
27	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2	HK5				Triết học Mác-Lênin			
28	Học phần lựa chọn (*)		3	HK5							
29	Quản trị chiến lược	BSA1325	3	HK5			Quản trị học				
30	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	2	HK5				Tiếng Anh (Course 3)			
31	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	HK6							
32	Quản lý và tự động hóa kho	ELE14177	3	HK6				Nhập môn công nghệ logistics và QLCCU			
33	Khoa học dữ liệu cho logistics	A11324	3	HK6			Nhập môn công nghệ logistics và QLCCU				
34	Luật kinh doanh	BSA1314	2	HK6				Kinh tế vĩ mô 1, Kinh tế vĩ mô 1			
35	Quản trị chuỗi cung ứng	BSA1498	3	HK6			Quản trị học				
36	Ứng dụng Blockchain trong logistics	SEC1443	3	HK6				Nhập môn công nghệ logistics và QLCCU			
37	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	2	HK7							
38	Quản trị logistics trong kinh tế tầm thấp	BSA14142	3	HK7				Nhập môn công nghệ logistics và QLCCU			
39	Quản lý vận tải trong không gian tầm thấp	BSA14143	3	HK7				Nhập môn công nghệ logistics và QLCCU			
40	Chuyên đề: Thiết kế giải pháp logistics tầm thấp	ELE14178	2	HK7				Nhập môn công nghệ logistics và QLCCU			
41	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	HK7							
42	Tự chọn chuyên ngành (**)		6	HK7							
43	Thực tập tốt nghiệp	BSA15144	4				HK8				
44	Khóa luận tốt nghiệp	BSA14145	6				HK8				
TỔNG CỘNG			130	14	18	18	17	19	16	18	10

(*): Các học phần tự chọn thuộc kiến thức cơ sở ngành

- 1 Quản trị dự án BSA1397 3
- 2 Kinh tế lượng BSA1309 3
- 3 Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh BSA13118 3
- 4 Phân tích kinh doanh BSA1395 3
- 5 Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo BSA13120 3

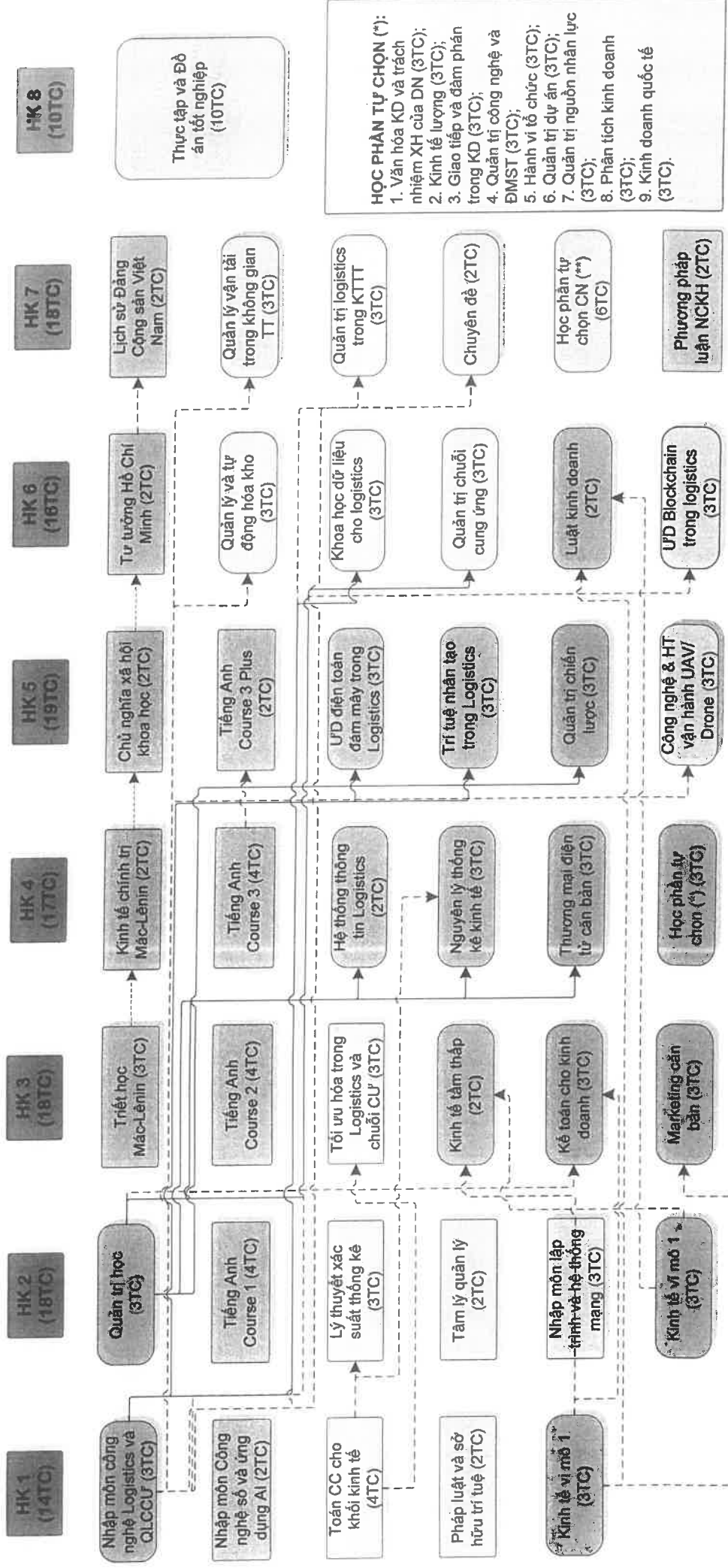


**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC TIÊN QUYẾT, TRƯỚC SAU
CHƯƠNG TRÌNH LOGISTICS TRONG KINH TẾ TÂM THẤP (NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH)**

TT	Tên môn học/học phần	Mã số môn học	Số TC	Năm học			Môn tiên quyết	Môn học trước
				Thứ nhất	Thứ hai	Thứ ba		
6	Hành vi tổ chức	BSA1396	3					
7	Văn hóa kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	BSA13121	3					
8	Quản trị nguồn nhân lực	BSA1331	3					
9	Kinh doanh quốc tế	BSA1387	3					
(**): Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành								
1	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu	BSA14126	3					
2	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	BSA13116	3					
3	Giao nhận, vận tải và bảo hiểm hàng hóa	BSA14104	3					
4	Logistics trong thương mại điện tử	BSA14102	2					
5	Nghiệp vụ hải quan	BSA1477	2					
6	Chuỗi cung ứng bền vững	BSA14106	2					
7	Cơ sở hạ tầng logistics	BSA14107	2					
8	Vận tải đa phương thức	BSA14110	2					
9	Quản lý tài chính trong chuỗi cung ứng	FIA14122	2					

TIẾN TRÌNH HỌC TẬP THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

Chương trình Logistics trong kinh tế tâm thấp (ngành Quản trị kinh doanh)



Chú giải

Kiến thức chung Kiến thức cơ sở ngành và ngành Kiến thức chuyên ngành

Kiến thức KHTN/KHXH Kiến thức chuyên ngành

---> Kiến thức cơ sở ngành và ngành
 ---> Kiến thức chuyên ngành

MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA

TT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA						
		LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7
1	Triết học Mác-Lênin	I(Y)		I(Y)				I(Y)
2	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI					I(X)	I(Y)	I(Y)
5	Toán cao cấp cho kinh tế	I(X)	I(Y)	I(X)				
6	Pháp luật và sở hữu trí tuệ	I(Y/A)	I(Y/A)					I(X/A)
7	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		I(Y)	I(Y)				I(X)
8	Tiếng Anh (Course 1) (*)				I(Y)	I(Y)		
10	Lý thuyết xác suất và thống kê	I(X)	I(Y)	I(Y)				
11	Quản trị học		R(X/A)	R(Y/A)	I(X/A)			I(Y/A)
12	Nhập môn lập trình và hệ thống mạng	I(Y)		I(X)		I(Y)		
13	Kinh tế vi mô 1		R(X/A)	R(Y/A)	I(X/A)		I(Y/A)	
14	Tâm lý quản lý					I(Y/A)	I(X/A)	I(Y/A)
15	Chủ nghĩa xã hội khoa học			I(Y)				I(Y)
16	Tiếng Anh (Course 2)				I(Y)	I(Y)		
17	Tối ưu hóa trong logistics và chuỗi cung ứng	I(Y/A)	I(R/A)	I(X/A)				
18	Nhập môn công nghệ logistics và quản lý chuỗi cung ứng	I(Y/A)		I(X/A)			I(X/A)	I(Y/A)
19	Nguyên lý thống kê kinh tế		R(Y/A)			I(X/A)		I(Y/A)
20	Kinh tế vĩ mô 1	R(X/A)	R(Y/A)				R(Y/A)	
21	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	I(Y)						
22	Tiếng Anh (Course 3)				I(Y)	I(Y)		
23	Kế toán cho kinh doanh		R(Y/A)		I(Y/A)			R(X/A)
24	Marketing căn bản	R(Y/A)	R(X/A)				R(Y/A)	
25	Thương mại điện tử căn bản			R(Y/A)	R(Y/A)	R(X/A)		R(X/A)
26	Hệ thống thông tin logistics	R(Y/A)		R(X/A)			R(Y/A)	
27	Tư tưởng Hồ Chí Minh	I(Y)	I(Y)					I(Y)
28	Nhập môn kinh tế tầm thấp	I(Y/A)	R(X/A)			R(X/A)		
29	Trí tuệ nhân tạo trong logistics	I(X)		R(Y/A)	R(Y/A)			
30	UAV/Drone	R(X)	R(Y)	R(Y)				
31	Ứng dụng điện toán đám mây trong logistics		R(Y)		R(X)	R(X)		
32	Luật kinh doanh		R(Y/A)				R(Y/A)	R(X/A)
33	Quản trị chuỗi cung ứng	R(X/A)	R(Y/A)		R(X/A)		R(Y/A)	
34	Quản trị chiến lược	R(Y/A)	R(X/A)	R(X/A)	R(Y/A)			
35	Quản lý và tự động hóa kho	R(X)	R(Y)	R(Y)				
36	Khoa học dữ liệu cho logistics	R(Y)	R(Y)	R(X)				
37	Học phần lựa chọn 1*					R(Y)	R(X)	R(X)
	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh							
	Hành vi tổ chức							
	Văn hóa kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp							
	Quản trị nguồn nhân lực							
	Kinh doanh quốc tế							
38	Học phần lựa chọn 2*		R(X)	R(Y)	R(X)			
	Quản trị dự án							
	Kinh tế lượng							
	Phân tích kinh doanh							

TT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA						
		LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7
	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo							
	Ứng dụng Blockchain trong logistics		R(y)	R(X)		R(Y)		
	Quản trị logistics trong kinh tế thấp	E(X/R)	E(Y/A)					E(X/A)
	Quản lý vận tải trong không gian tầm thấp		E(X/A)		E(X/E)	E(Y/A)		
	Chuyên đề: Thiết kế giải pháp logistics tầm thấp			E(X)	E(X)			E(Y)
39	Tự chọn chuyên ngành **	E(Y/A)		E(X/A)	E(X/A)	E(X/A)	E(X/A)	
	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu							
	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu							
	Giao nhận, vận tải và bảo hiểm hàng hóa							
	Logistics trong thương mại điện tử							
	Nghiệp vụ hải quan							
	Chuỗi cung ứng bền vững							
	Cơ sở hạ tầng logistics							
	Vận tải đa phương thức							
	Quản lý tài chính trong chuỗi cung ứng							
40	Thực tập tốt nghiệp	E(X/A)	E(Y/A)	E(X/A)	E(Y/A)	E(X/A)	E(X/A)	E(X/A)
41	Khóa luận tốt nghiệp	E(X/A)	E(X/A)	E(X/A)	E(X/A)	E(X/A)	E(X/A)	E(X/A)
1	Kỹ năng mềm 1			I(Y)	I(Y)			
2	Kỹ năng mềm 2					I(Y)	I(Y)	
3	Kỹ năng mềm 3		R(Y)	R(Y)		R(X)		

Ghi chú:

I, R, E: mức độ đóng góp của học phần, tương ứng: Giới thiệu, cơ bản (I), Củng cố, phát triển thêm (R), Nâng cao, hoàn thiện (E)

X: đóng góp trực tiếp

Y: đóng góp gián tiếp

A: dùng để đo lường đóng góp vào LO